|  |
| --- |
| **BÀI 5 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**  **(*Đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ*)** |

**I. MỤC TIÊU**

**1**. **Năng lực**

 - Nhận biết được đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ.

- Vận dụng việc sử dụng trợ từ, thán từ trong việc tạo lập văn bản và trong đời sống.

**2. Phẩm chất**

- HS có ý thức vận dụng bài học vào giao tiếp, tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Phiếu học tập, bài trình bày của HS, bảng phụ.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

Mùa hè còn được gọi là mùa?

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân/thảo luận cặp đôi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phần giới thiệu của GV.

Mùa hè còn được gọi là mùa?

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

(1) Em hãy ghi lại các từ dùng để bộc lộ cảm xúc và các từ dùng để gọi – đáp xuất hiện trong đoạn hội thoại sau:

Gà mẹ và gà con đang đi kiếm thức ăn. Bỗng một con rắn xuất hiện:

Rắn: - Ứ ừ! Miếng mồi ngon đây rồi!

Gà con: Ớ! Gì thế? Cứu! Cứu với!

Gà mẹ: Trời ơi! Chuyện gì thế kia!

Gà mẹ vội vàng lao ra, mổ vào đuôi khiến con rắn giật mình. Gà mẹ và gà con vội vàng chạy đi. Tự nhiên, một bác gấu xuất hiện.

Bác Gấu: Hai mẹ con đừng sợ! Không phải chạy! Tôi sẽ xử lí con rắn này!

Gà mẹ: Ấy ấy! Chị đừng vào! Con rắn to lắm, rất nguy hiểm

Bác Gấu: - Ôi chao! Có lớn đến mấy thì cũng không đọ được với tôi.

Gà mẹ: Tôi sẽ giúp bác! (quay sang nói với gà con) Con mau chạy về nhà trước đi.

Gà con: - Vâng ạ!

(2) Ý nghĩa của những câu sau thay đổi như thế nào khi xuất hiện các từ in đậm:

+ Nó ăn hai bát cơm.

+ Nó ăn ***những*** hai bát cơm.

+ Nó ăn ***có*** hai bát cơm.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS hướng lên màn hình, suy nghĩ độc lập.

**B3: Báo cáo thảo luận**

HS giơ tay trả lời.

**Dự kiến sản phẩm:**

(1) **\* Từ để gọi đáp:**

Gà con: **- Vâng ạ!**

**\* Các từ dùng để bộc lộ cảm xúc:**

Rắn: - **Ứ ừ!** Miếng mồi ngon đây rồi!

Gà con: **Ớ!** Gì thế? Cứu! Cứu với!

Gà mẹ: **Trời ơi!** Chuyện gì thế kia!

**Ấy ấy!** Chị đừng vào!

Bác Gấu: **- Ôi chao!** Có lớn đến mấy thì cũng không đọ được với tôi.

(2) + Nó ăn hai bát cơm: câu trần thuật, sắc thái trung tính

+ Nó ăn ***những***hai bát cơm: Nhấn mạnh nó ăn nhiều ***(những)***

+ Nó ăn ***có*** hai bát cơm: Nhấn mạnh nó ăn ít ***(có)***

**B4: Kết luận, nhận định**

**Dẫn vào bài:** *Những từ ngữ ở câu hỏi (1) gọi là thán từ, câu hỏi (2) là trợ từ. Vậy thán từ, trợ từ là gì? Thán từ và trợ từ có đặc điểm như thế nào và có chức năng gì? Để hiểu rõ điều đó, chúng ta đi vào tiết thực hành Tiếng Việt ngày hôm nay!*

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**2.1. Tìm hiểu tri thức Tiếng Việt về trợ từ, thán từ**

**a**. **Mục tiêu**: Tìm hiểu đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Tìm hiểu về đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - HS đọc lại ví dụ ở phần Khởi động và đọc sgk và nêu khái niệm, đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ cá nhân.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**:   * Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả. * Các HS khác nhận xét, bổ sung.   **Bước 4. Đánh giá, kết luận**   GV nhận xét, chuẩn kiến thức. | **I. Tìm hiểu về đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ**  **1. Trợ từ**  **a. Khái niệm**  - *Trợ từ* là những từ chuyên dùng để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá của người nói với người nghe hoặc với sự việc được nói đến trong câu. Ví dụ: *những, có, chính, đích, ngay, nhỉ, nhé, nha, nghen,...*  *- Trợ từ* không có vị trí cố định ở trong câu.  **b. Chức năng**  - Trợ từ nhấn mạnh (*những, có, chính, mỗi, ngay,...*): thường đứng trước các từ ngữ cần được nhấn mạnh.  - Trợ từ tình thái (tiểu từ tình thái) *(à, ạ, nhỉ, nhé, nha, nhen, nghen, đấy, này,...*): thường đứng ở đầu và cuối câu, có tác dụng tạo kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, câu cảm thán hoặc thể hiện thái độ đánh giá, tình cảm của người nói.  **2. Thán từ**  **a. Khái niệm**  *- Thán từ* là những từ dùng để bộc lộ cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp.  - *Thán từ* thường đứng đầu câu và có khả năng tách ra tạo thành một câu đặc biệt. Khi sử dụng thán từ, người nói thường dùng kèm theo ngữ điệu, cử chỉ, nét mặt,...tương ứng với cảm xúc mà thán từ biểu thị.  **b. Chức năng**  - Thán từ bộc lộ cảm xúc (*a, á, ô, ôi, ối, chà,...*): dùng để bộc lộ các trạng thái cảm xúc (vui mừng, ngạc nhiên, đau đớn, sợ hãi,...).  - Thán từ gọi đáp (*ơi, dạ, vâng, ừ,...*) |

**2.2. Thực hành tiếng Việt về trợ từ, thán từ**

**a**. **Mục tiêu**: HS thực hành các bài tập về trợ từ, thán từ

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập vào phiếu.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Hướng dẫn HS thực hành BT1, BT2, BT3, BT4**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **Lớp chia thành 4 nhóm.**  **-** Nhóm 1: BT1  - Nhóm 2: BT2  - Nhóm 3: BT3  - Nhóm 4: BT4  Cụ thể yêu cầu các BT như sau:  **BT1: Xác định trợ từ, thán từ và điền vào bảng:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Trợ từ** | **Thán từ** | | a |  |  | | b |  |  | | c |  |  |   **BT2: Tìm thán từ, giải thích nghĩa và nêu chức năng:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Thán từ** | **Nghĩa và chức năng** | | a |  |  | | b |  |  | | c |  |  |   **BT3:** Lần lượt thực hiện các yêu cầu:  - Xác định câu chứa trợ từ trong các cặp câu a1 – a2 và b1 – b2  - Kẻ bảng theo mẫu:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Câu | Trợ từ | Đặc điểm | |  |  |  | |  |  |  |   - Giải thích vì sao các từ in đậm trong những câu còn lại không phải là trợ từ  **BT4: Tìm trợ từ, giải thích nghĩa và nêu chức năng**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Trợ từ** | **Đặc điểm và chức năng** | | a |  |  | | b |  |  | | c |  |  | | d |  |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**   * HS thực hiện lần lượt nhiệm vụ theo yêu cầu * GV hỗ trợ, khuyến khích.   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS lần lượt treo tờ A0 bài làm của mình lên bảng.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).  **Hướng dẫn HS thực hành BT5:**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: luân phiên làm thí sinh và giám khảo:  Chia lớp thành nhóm chẵn và nhóm lẻ:  - Với bài tập đặt câu có sử dụng trợ từ: nhóm chẵn đặt câu, chỉ ra trợ từ, nhóm lẻ làm giám khảo đánh giá, cho điểm.  - Với bài tập đặt câu có sử dụng thán từ: nhóm lẻ đặt câu, chỉ ra thán từ, nhóm chẵn làm giám khảo đánh giá, cho điểm.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**   * HS thực hiện lần lượt nhiệm vụ theo yêu cầu * GV hỗ trợ, khuyến khích.   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS lần lượt báo cáo kết quả thảo luận  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).  **Hướng dẫn HS thực hành BT6**  **(HS làm việc cá nhân)** | **II. Thực hành**  **1. Bài tập 1:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Trợ từ** | **Thán từ** | | a | *à* | *A* | | b | *chứ, cả* | *vâng* | | c | *ạ, đâu* |  |   **2. Bài tập 2:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Thán từ** | **Nghĩa và chức năng** | | a | **ớ**  **này**  **- Ớ này!** *Vào đây, các chú.* | **ớ**: (khẩu ngữ) từ gọi dùng để gọi người ở xa, thường là không quen.  **này**: từ thốt ra như để gọi người đối thoại, bảo hãy chú ý.  Chức năng: gọi đáp. | | b | **ồ**  **-** “Cụ lớn”, **ồ, ồ,** cụ lớn! | **ồ:** từ thốt ra biểu lộ cảm xúc ngạc nhiên, bất ngờ.  Chức năng: bộc lộ tình cảm, cảm xúc | | c | **ô kìa**  **- Ô kìa,** bác phó! Vải này là thứ hàng tôi đưa bác may bộ lễ phục trước của tôi đây mà. Tôi nhận ra đúng nó rồi. | **ô kìa:** từ thốt ra biểu lộ sự ngạc nhiên cao độ.  Chức năng: bộc lộ tình cảm, cảm xúc. |   **3. Bài tập 3:**  - Từ in đậm trong các câu a1, b1 là trợ từ. Cụ thể:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Trợ từ** | **Đặc điểm** | | a1 | **mất**  *Tôi đau đớn quá! Tôi chết* ***mất*** *thôi.* | Từ biểu thị ý nhấn mạnh về mức độ của một tình cảm mà mình cảm thấy không sao kìm được (sự đau đớn) | | b1 | **kia**  Cái tội giả mạo chữ kí là một trọng tội, tôi run lắm **kia**, cậu ạ! | Từ biểu thị ý nhấn mạnh cho người đối thoại chú ý đến điều vừa được nói đến, ý như muốn bảo rằng: như thế đấy, chứ không phải khác đâu. |   - Với các câu a2 và b2:  + Từ **mất** trong câu a2 là động từ, không phải trợ từ.  + Từ **kia** trong câu b2 là đại từ chỉ định, không phải trợ từ.  **4. Bài tập 4:**     |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Trợ từ** | **Đặc điểm và chức năng** | | a | ***ư***  *Một tên đầy tớ mà bác cho nhiều đến thế* ***ư?*** | ***ư*:** từ biểu thị ý hỏi, biểu thị thái độ ngạc nhiên trước điều mình có phần không ngờ tới.  - Chức năng: tạo kiểu câu nghi vấn, thể hiện thái độ của người nói.  - Đây là trợ từ tình thái. | | b | ***à***  *Bệnh nhân mới* ***à****? Anh ta làm sao?* | ***à***: từ biểu thị ý hỏi để rõ thêm về điều mình có phần ngạc nhiên.  - Chức năng: tạo kiểu câu nghi vấn, thể hiện thái độ của người nói.  - Đây là trợ từ tình thái. | | c | ***ạ***  *Bẩm, đúng* ***ạ****!* | ***ạ***: từ biểu thị ý kính trọng khi nói chuyện với những người ở có vị trí, tuổi tác, thứ bậc,...cao hơn mình.  - Chức năng: tạo kiểu câu cảm thán, thể hiện thái độ kính trọng của người nói.  - Đây là trợ từ tình thái. | | d | ***đến***  *Ngài và đoàn tùy tùng của ngài làm việc* ***đến*** *quên ăn quên ngủ để duy trì sự sống cho nó.* | ***đến****:* từ biểu thị ý nhấn mạnh về tính chất bất thường của một hiện tượng để làm nổi bật mức độ cao của một việc nào đó.  - Chức năng: đứng trước các từ ngữ cần được nhấn mạnh, nhấn mạnh mức độ làm việc *(đến quên ăn quên ngủ)* của “ngài và đoàn tùy tùng)  - Đây là trợ từ nhấn mạnh. |   **5. Bài tập 5: Đặt hai câu sử dụng thán từ và hai câu có sử dụng trợ từ:**  **Gợi ý:** - Câu sử dụng trợ từ:  *+ Hôm nay trả bài kiểm tra văn, tớ được* ***nhữn****g 8 điểm cơ đấy.*  (trợ từ nhấn mạnh)  + *Xe tớ bị hỏng, mai cậu qua nhà đón tớ đi học với* ***nhé****!*  (trợ từ tình thái)  - Câu sử dụng thán từ:  *+* ***Ôi****! Em bé dễ thương làm sao!*  (Thán từ bộc lộ cảm xúc)  + *Hương* ***ơi****, đến giờ vào lớp rồi!*  (Thán từ dùng để gọi - đáp)  **6.****Bài tập 6:**  - HS đã thực hành sân khấu hóa trong HĐ vận dụng khi đọc hiểu 2 VB: *Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục* và *Cái chúc thư.*  - HS nhớ lại hoạt động sân khấu hóa đó và trả lời câu hỏi: các em đã sử dụng trợ từ, thán từ nào? Nêu chức năng của các trợ từ, thán từ đó. (HS suy nghĩ và trả lời cá nhân hoặc theo nhóm mà mình đóng sân khấu hóa). |

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để vận dụng vào tình huống thực tế.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS theo yêu cầu của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Nhiệm vụ: Vận dụng thán từ, trợ từ trong cuộc sống**

**\*Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ**

**HĐ Cặp đôi hoàn thành các yêu cầu sau:**

a. Nếu bạn là nhân vật trong các tình huống sau bạn sẽ dùng câu có thán từ hoặc trợ từ như thế nào để khen ngợi, động viên hoặc bày tỏ lòng cảm ơn.

**Tình huống 1:** Bạn đi học về, chạy vào bếp chào mẹ, bạn thấy mẹ đã chuẩn bị xong bữa trưa có rất nhiều món ngon, thơm lừng.

**Tình huống 2:** Bạn trông thấy bố đi làm về, mồ hôi ướt đẫm lưng áo.

**Tình huống 3:** Đến ngày sinh nhật của em, em được các bạn tặng những món quà được gói rất đẹp.

Từ bài tập phần a, em rút ra bài học gì khi vận dụng trợ từ, thán từ trong cuộc sống?

Gợi ý trả lời:

\* **TH1**: + **Ôi!** Con đói quá mẹ ạ!

+ **A**! Toàn món con thích mẹ ạ!

+ Hôm nay mẹ nấu **những** ba món con thích cơ ạ! Con yêu mẹ quá đi!

+ **Chà**, giá như ngày nào con cũng được ăn bữa cơm thịnh soạn thế này thì tốt biết bao.

\***TH2**: + **A**! Bố đã về.

+ **Ôi!** Mồ hôi ướt hết lưng áo của bố rồi kìa!

+ Bố **ơi,** con thương bố nhiều lắm!

**\*TH3:** + **Á**! Đúng chiếc cặp tóc mà tớ thích từ lâu rồi nè. Cảm ơn cậu!

+ **Ôi!** Mình thật xúc động khi các bạn đến dự sinh nhật mình đông đủ thế này.

b. Bài học: Chúng ta hãy sử dụng thán từ, trợ từ phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ bày tỏ sự quan tâm, động viên, khen ngợi mọi người xung quanh, bày tỏ lòng cảm ơn của mình với những điều tốt đẹp mà mọi người mang đến cho chúng ta nhé!

**\*Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**

Các cặp đôi thảo luận, hoàn thành yêu cầu a, b.

**\*Bước 3:** **Báo cáo sản phẩm**

GV gọi 1 – 2 cặp đôi báo cáo sản phẩm thảo luận.

Các cặp khác nhận xét, bổ sung.

**\*Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**

GV đánh giá, kết luận.

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- HS hoàn thiện các bài tập phần Thực hành Tiếng Việt.

- Tìm thêm các bài tập về trợ từ, thán từ.

- Chuẩn bị nội dung thực hành đọc mở rộng theo thể loại: *“Thuyền trưởng tàu viễn dương”* (Lưu Quang Vũ).